

Bản án số: 09/2017/HSST

Ngày 24/8/2017

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoàn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Quan Văn Sỹ**

2. Ông **Nguyễn Tấn Ngợi**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Ma Ngọc Hiếu**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông **Ma Văn Tùng**, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2017/HSST ngày 14 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

**MA VĂN H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 10/10/1979 tại xã Q, huyện C (nay thuộc huyện L), tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T;  
dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa lớp 5/12;

Con ông Ma Văn T, đã chết và con bà Ma Thị L, sinh năm 1955; có vợ là Triệu Thị N và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2013; anh, chị, em ruột: Có 04 người, bị cáo là thứ ba;

Tiền sự, tiền án: Không;

Nhân thân: Bản án số: 15/HSST ngày 21/3/2011 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt Ma Văn H 05 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng về tội đánh bạc, phạt tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), án phí 200.000 đồng, thời hạn thử thách từ ngày 21/3/2011. Ngày 21/6/2012 đã chấp hành xong toàn bộ bản án, đã được xóa án tích từ ngày 21/6/2013.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã H, huyện L, tỉnh T (có mặt).

**Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh T, do ông Phù Đức L, chức vụ: Chủ tịch UBND xã H làm đại diện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ma Văn S, sinh năm 1978, chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã H, theo giấy ủy quyền ngày 08/5/2017 của Chủ tịch UBND xã H (có mặt).

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1980  
Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T (có mặt).
2. Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1987  
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện L, tỉnh T (có mặt).

**NHẬN THẤY:**

Bị cáo Ma Văn H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Cuối tháng 7 năm 2016, Ma Văn H làm thủ tục khai thác 07 cây gỗ rừng rậm, khối lượng 0,5m<sup>3</sup> trên diện tích đất rừng sản xuất của gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (tại lô 43a, khoảnh 43a, bản đồ 1770 là rừng sản xuất theo quyết định phân 3 loại rừng) thuộc thôn B, xã H, huyện L, tỉnh T mục đích để sử dụng tại chỗ và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã và Hạt kiểm lâm huyện L xác nhận cho phép khai thác.

Lợi dụng việc được cấp phép khai thác nên H nảy sinh ý định thuê người khác khai thác gỗ tại lô 11 và lô 13d, khoảnh 43a do Ủy ban nhân dân xã H quản lý, tiếp giáp với lô 43a, khoảnh 43a của H theo quyết định phân 3 loại rừng là rừng sản xuất. Ngày 08/12/2016 H gọi điện cho anh Đặng Văn T, trú tại thôn T, xã H, huyện L để khai thác gỗ. T đồng ý và rủ thêm Đặng Văn Đ ở cùng thôn đi làm thuê cho H. Sau đó Hoàng dẫn Đ và T đến khu rừng sản xuất thuộc lô 11, khoảnh 43a, bản đồ 1770 và nói dối anh T và Đ đây là vườn rừng của H đã được UBND xã H và Hạt kiểm lâm cho phép khai thác, nên anh T, anh Đ đồng ý và thỏa thuận công khai thác, vận chuyển và bốc gỗ lên xe ô tô là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)/ m<sup>3</sup>. Thỏa thuận xong H đưa trước cho anh T số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để mua xăng. Sau khi về nhà, T rủ thêm anh Đặng Văn L, Đặng Văn N ở cùng thôn và chị Lý Thị O (vợ Đ) đi khai thác gỗ cho H.

Trong 02 ngày 20, 21 tháng 12 năm 2016, anh T, anh Đ, anh L, anh N và chị O mang theo máy cưa xăng, dao tay đến khu rừng H đã chỉ trước đó để khai thác gỗ. Khi đến nơi anh T, anh Đ và anh L thay nhau dùng máy cưa xăng cắt hạ cây gỗ đang phát triển bình thường và cắt thành đoạn dài 2 mét; còn anh N, chị O vận

chuyên gỗ đến bãi tập kết ở chân lô được 12,3 m<sup>3</sup> gỗ nhóm VIII. Khai thác được gỗ H gọi điện cho Ma Văn S, trú tại thôn Bản L, xã Hồng Q để giao dịch bán gỗ, S đồng ý mua và thống nhất với giá 900.000 đồng/m<sup>3</sup>. Mua được gỗ S trực tiếp điều khiển xe ô tô tải hiệu Hoa Mai, biển kiểm soát 22C-025.81 đăng ký mang tên Ma Văn L (bố đẻ của S) vận chuyển về xưởng sơ chế của gia đình. Số tiền 10.980.000 đồng (Mười triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng) do bán gỗ mà có, H đã thanh toán tiền công khai thác gỗ hết 3.700.000 đồng (ba triệu bảy trăm nghìn đồng), số còn lại H đã chi tiêu hết.

Khoảng một tuần sau các anh T, L, N tiếp tục đi khai thác gỗ cho H tại lô, khoảnh trên. Sau khi cắt và vận chuyển gỗ đến bãi tập kết tại chân lô, anh T thông báo cho H đến bóc gỗ, thì H trả lời “không khai thác nữa vì số gỗ khai thác những lần trước chưa bán được”, thấy H nói vậy anh T, Đ và N đi về nhà. Cũng trong khoảng thời gian này chị Triệu Thị N (vợ H) theo sự chỉ dẫn của H, chị N rủ anh Triệu Kim V trú tại thôn Biền, xã Phúc Sơn, huyện C, tỉnh T cùng đi khai thác gỗ tại lô rừng 13d, khoảnh 43a (do UBND xã Hồng Quang quản lý) theo quyết định phân 3 loại rừng là rừng sản xuất tiếp giáp với lô đất của gia đình anh Hoàng. Trong khoảng thời gian là 02 ngày chị N và anh V khai thác được 09 cây (trong đó có 05 cây ràng ràng mít, 04 cây lim vang), cắt đoạn dài 2 mét, lao xuống chân lô tập kết. Đến ngày 02/01/2017, Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình phối hợp với UBND xã H kiểm tra phát hiện và lập biên bản thu giữ.

Quá trình khám nghiệm hiện trường Hạt kiểm lâm huyện Lâm Bình có văn bản xác định: Vị trí Ma Văn H hợp đồng với các anh Đặng Văn Đ, Đặng Văn T, Đặng Văn L, Đặng Văn N, chị Lý Thị O là tại lô 11, khoảnh 43a, bản đồ 1770; vị trí chị Triệu Thị N và Triệu Kim V khai thác là tại lô 13d, khoảnh 43a, đối tượng rừng sản xuất, thuộc thôn Bản T, xã H, huyện L do UBND xã H quản lý. Tại lô 11 số lâm sản bị thiệt hại 170 cây bao gồm nhóm V đến nhóm VIII là 35,811m<sup>3</sup>, trong đó gỗ nhóm V (cây Lim Vang) = 5,317m<sup>3</sup>; gỗ nhóm VI (gồm Xoan nhừ, Kháo, Ràng Ràng Mít và gỗ Chẹo = 16,141m<sup>2</sup>; gỗ nhóm VII (trám trắng) = 1,764m<sup>3</sup>; gỗ nhóm VIII (gỗ Sung) = 12,489m<sup>3</sup>. Tại lô 13d số lâm sản bị thiệt hại 09 cây bao thuộc nhóm VI (Lim Vang, Ràng Ràng Mít) = 3,792 m<sup>3</sup>.

Tại Kết luận số 02/TBKL ngày 17/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định: Tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại là 39,603m<sup>3</sup> thuộc nhóm V đến VIII là 31.650.000 đồng (ba mươi một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Trước cơ quan điều tra, Ma Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 10/QĐ-KSĐT ngày 13/7/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh T truy tố Ma Văn H để xét xử về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng số: 10/QĐ-KSĐT ngày 13/7/2017, đề nghị xử phạt bị cáo như sau:

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175 BLHS; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 BLHS, xử phạt bị cáo Ma Văn H từ 18 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc diện hộ nghèo, có điều kiện kinh tế khó khăn không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước (do UBND xã H làm đại diện) số tiền 9.760.000 đồng tương ứng với 12,2 m<sup>3</sup> gỗ nhóm VIII; số tiền 5.000.000 đồng bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự được khấu trừ vào số tiền phải bồi thường; bị cáo còn phải bồi thường 4.760.000 đồng.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41, 42 của BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại số gỗ thu giữ được tại hiện trường 19,45 m<sup>3</sup>/439 đoạn; 7,953 m<sup>3</sup> gỗ tại hiện trường cho UBND xã H xử lý theo quy định; trả lại 01 máy cưa xăng đã qua sử dụng cho Đặng Văn Đ; tịch thu sung quỹ nhà nước ½ giá trị máy cưa xăng của Ma Văn H; tịch thu tiêu hủy 03 con dao tu đã qua sử dụng.

Đối với số tiền 10.980.000 đồng do bị cáo bán 12,2 m<sup>3</sup> gỗ nhóm VIII mà có, đã yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.760.000 đồng, số còn lại 1.220.000 đồng bị cáo được hưởng lợi, cần truy thu sung quỹ Nhà nước theo quy định tại Điều 41 BLHS và Điều 76 của bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng,

**XÉT THẤY:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ để xác định: Ngày 25/7/2016, Ma Văn H có Bản đăng ký khai thác gỗ gửi UBND xã H, huyện L xin khai thác 05 cây gỗ Giàng Giàng Mít trên diện tích đất 10.740 m<sup>2</sup> của hộ gia đình được UBND huyện Lâm Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/11/2013 tại số sổ BR845039 thửa đất số 677, lô số 02. Ngày 26/7/2016 UBND xã H, huyện L có biên bản xác minh về việc khai thác lâm sản sử dụng tại chỗ và xác nhận nhất trí cho Ma Văn H được phép khai thác sử dụng gỗ tại chỗ với số lượng 07 cây, có khối lượng 5,01 m<sup>3</sup> trên diện tích đất được cấp cho hộ gia đình Ma Văn H và vợ là Triệu Thị N.

Lợi dụng việc được sự đồng ý cho phép khai thác gỗ của UBND xã H, huyện L, trong tháng 12/2016 bị cáo đã điện thoại cho anh Đặng Văn T để thuê anh T khai thác gỗ, sau đó anh T đã rủ thêm anh Đặng Văn Đ cùng đi làm thuê. Bị cáo đã dẫn đường, chỉ cho anh T, anh Đ nói dối đây là gỗ tại vườn rừng của gia đình bị cáo đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được phép khai thác dẫn đến trong các ngày 20, 21 tháng 12/2016 các đối tượng Đặng Văn T, Đặng Văn Đ, Đặng Văn L, Đặng Văn N, Lý Thị O đã khai thác gỗ tại lô 11, khoảnh 43a, bản đồ 1770 theo quyết định phân 03 loại rừng là rừng sản xuất, gây thiệt hại về lâm sản có khối lượng là 35,811 m<sup>3</sup> gồm các loại gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII. Ngoài ra cũng trong tháng 12/2016, Ma Văn H đã chỉ dẫn vợ là Triệu Thị N để khai thác gỗ tại lô 13d, khoảnh 43a, bản đồ 1770 theo quyết định phân 03 loại rừng sản xuất để khai thác gỗ, dẫn đến Triệu Thị N và Triệu Kim V đã khai thác gỗ gây thiệt hại lâm sản có khối lượng là 3,792 m<sup>3</sup>.

Bị cáo được cấp có thẩm quyền đồng ý cho khai khai thác gỗ nhưng không khai thác đúng vị trí, địa điểm được cấp phép; đã tự ý chỉ dẫn, thuê các đối tượng

khác khai thác gỗ trái phép tại các lô, khoảnh không được phép khai thác, không nằm trong sự quản lý của hộ gia đình bị cáo, mà trên diện tích đất do UBND xã H, huyện L quản lý, thuộc thôn Bản T, xã H, huyện L, tỉnh T. Thuộc các lô số 11 và 13d, khoảnh 43a rừng sản xuất theo quyết định số 1770/QĐ-CT ngày 31/12/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh T về việc điều chỉnh quy hoạch phân 03 loại rừng (phòng hộ, đặc dụng, sản xuất) đã gây thiệt hại về lâm sản có tổng khối lượng là 39,603 m<sup>3</sup>, gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII, có giá trị là 31.650.000 đồng (*ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*).

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định số: 157/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì mức tối đa bị xử phạt hành chính đối với hành vi khai thác lâm sản trái phép ở rừng sản xuất là 20 m<sup>3</sup>. Đối chiếu điểm a tiểu mục 1.4, mục 1 phần IV Thông tư liên tịch số 19/2007/TTLT-BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 08/3/2007 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản thì hành vi của Ma Văn H đã phạm tội thuộc trường hợp “gây hậu quả nghiêm trọng”.

Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được việc khai thác gỗ tại vị trí, địa điểm chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi, đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, tiếp tay cho các hành vi mua, bán, vận chuyển gỗ trái phép, gây khó khăn cho công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm ảnh hưởng trực tiếp môi trường sinh sống của các loài động, thực vật, gây mất cân bằng tới hệ sinh thái khí quyển, kiệt quệ nguồn tài nguyên lâm sản của Nhà nước. Rừng là nơi tạo ra những nguồn oxi quý giá để nuôi dưỡng các hệ động thực vật của trái đất. Nhà nước ta đã ban hành Luật bảo vệ và phát triển rừng và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành; các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng tới toàn thể mọi công dân biết để góp sức gìn giữ và bảo vệ rừng. Nhưng ngược lại, chỉ vì lợi ích của cá nhân mà bị cáo đi ngược lại các quy định của Nhà nước và cơ quan chức năng quản lý Nhà nước ở địa phương, khai thác gỗ trái phép, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, gây mất ổn định an ninh chính trị địa phương, vi phạm pháp luật Nhà nước. Đã phạm vào Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng theo điểm a khoản 1 Điều 175 của BLHS.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngày 21/3/2011 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh T xử phạt tù cho hưởng án treo, thử thách 15 tháng tính từ ngày 21/3/2011, phạt tiền 4.000.000 đồng, tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; bị cáo đã chấp hành xong bản án ngày 21/6/2012, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999 và điểm a khoản 2 Điều 70 của BLHS năm 2015, tính đến ngày 21/6/2013 bị cáo Ma Văn Hoàng đã được đương nhiên xóa án tích, nhưng thuộc trường hợp là người có nhân thân xấu. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 của BLHS; trước khi xét xử vụ án ngày 15/8/2017 bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, nộp 5.000.000 đồng tiền bồi thường thiệt hại, theo biên lai thu số 002380 ngày 15/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 46 của BLHS; là dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế xã hội khó khăn, thuộc hộ gia đình nghèo; bị cáo có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo tại địa phương được UBND xã nơi cư trú của bị cáo xác nhận; tại phiên tòa đại diện UBND xã H, huyện L, tỉnh T là nơi cư trú của bị cáo cũng là nguyên đơn dân sự trong vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương vì xét thấy sau khi vi phạm đến nay bị cáo H đã rất ăn năn, hối hận và điều kiện gia đình bị cáo hoàn cảnh rất khó khăn, đây cũng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của BLHS.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần thiết phải xử lý, áp dụng mức án nghiêm khắc tương xứng với mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo. Bản thân bị cáo trước đó đã từng bị kết án 01 lần về tội ít nghiêm trọng, về nhóm tội xâm phạm trật tự công cộng (bị cáo sử dụng 30.000 đồng tham gia đánh bạc cùng 17 bị cáo khác trong vụ án với tổng số tiền 3.550.000 đồng, bị xử phạt tù cho hưởng án treo), đã được xóa án tích trước lần phạm tội lần này được 03 năm 06 tháng; lần phạm tội này bị truy tố và xét xử về nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội ít nghiêm trọng. Bị cáo có nhân thân xấu, xong xuất phát từ nhận thức pháp luật hạn chế, điều kiện, hoàn cảnh gia đình kinh tế rất khó khăn, việc khai thác gỗ rừng trái phép thuộc đất rừng sản xuất là khu vực liền kề, giáp ranh với đất được giao cho gia

đình bị cáo, là khu vực tiếp giáp với khu đất của các hộ gia đình có anh, chị, mẹ đẻ của bị cáo đang canh tác, trước đây gia đình có phát làm nương, trong đó gia đình bị cáo có khai phá sử dụng một phần diện tích để làm ao, ruộng lúa hiện nay vẫn đang sử dụng. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng, phạm tội lần này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khác tính chất với lần phạm tội trước đó, việc xóa án tích của bản án lần trước bị kết án cho hưởng án treo đến trước thời điểm phạm tội lần này được 03 năm 06 tháng, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, UBND xã H (nơi cư trú) của bị cáo xác định điều kiện, hoàn cảnh hiện nay của gia đình bị cáo rất khó khăn. Xem xét điều kiện thực tế của bị cáo, căn cứ theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ- HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của BLHS về án treo, Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc quyết định cho bị cáo Ma Văn Hoàng được hưởng án treo cải tạo tại địa phương bởi lẽ một mặt việc xử lý trừng trị, cải tạo, giáo dục bị cáo, mặt khác cũng tạo điều kiện cho bị cáo nhận thức ra lỗi lầm, hối trợ, giúp đỡ gia đình để khắc phục khó khăn kinh tế, cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Trong vụ án này Ma Văn S là người mua và vận chuyển lâm sản trái phép nhưng khối lượng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Bình đã chuyển hồ sơ, tài liệu đến Hạt kiểm lâm huyện L để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với hành vi của Đặng Văn Đ, Đặng Văn T, Đặng Văn L, Đặng Văn N, Lý Thị O, Triệu Thị N và Triệu Kim V, quá trình điều tra đã làm rõ những người này khai thác gỗ cho bị cáo Ma Văn H, tin tưởng khai thác gỗ đã được Nhà nước cấp phép, nên không đề cập xử lý trong vụ án.

**Về hình phạt bổ sung:** Phạt tiền theo Điều 30, khoản 3 Điều 175 của BLHS, xét thấy điều kiện gia đình bị cáo khó khăn, hộ nghèo, không áp dụng đối với bị cáo.

**Về trách nhiệm dân sự:** Bị cáo khai thác trái phép cây rừng tại rừng sản xuất, số lâm sản bị thiệt hại là 39,603m<sup>3</sup>, gỗ thuộc nhóm V đến nhóm VIII, có giá trị là 31.650.000 đồng (*ba mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng*), một phần số gỗ được cơ quan điều tra thu giữ, số gỗ trên sẽ được giao cho UBND xã H quản lý, xử lý theo quy định nên không cần buộc bị cáo phải bồi thường; bị cáo đã bán cho đối tượng Ma Văn S được 12,2 m<sup>3</sup>, được 10.980.000 đồng, do không thu giữ được gỗ, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo giá trị đã được xác định là 9.760.000 đồng, ghi nhận, đối trừ đi số tiền đã tự nguyện nộp bồi thường



khắc phục hậu quả 5.000.000 đồng, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiếp 4.760.000 đồng. Đối với số tiền chênh lệch là 1.220.000 đồng, bị cáo có được do từ việc giao dịch bán gỗ khai thác trái phép cho Ma Văn S mà có, cần truy thu sung quỹ Nhà nước.

**Về vật chứng của vụ án:** Trong giai đoạn điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ số gỗ có khối lượng là 19,45 m<sup>3</sup> gồm 439 đoạn và xác định tại hiện trường có 7,953 m<sup>3</sup> bao gồm gốc, thân, cành còn lại, là gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII. Xét thấy số gỗ cơ quan điều tra đã thu giữ và số gỗ tại hiện trường đều do UBND xã H là chủ rừng, do vậy cần giao cho UBND xã H để giải quyết, xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 02 chiếc cưa xăng, 01 chiếc là của anh Đặng Văn Đ, 01 chiếc là của bị cáo Ma Văn H. Máy cưa xăng của anh Đ sử dụng khai thác gỗ cho H, do anh Đ chỉ làm thuê, ngay tình, tin lời của bị cáo H xác định là gỗ vườn rừng của H, do vậy không cần thiết thu giữ, trả lại cho anh Đ sử dụng. Chiếc máy cưa xăng của bị cáo, do vợ của bị cáo Triệu Thị N đã cùng với Triệu Kim V sử dụng để khai thác gỗ, đây là tài sản chung của bị cáo H và vợ bị cáo, do vậy cần tịch thu sung quỹ ½ giá trị, trả lại cho bị cáo và vợ bị cáo ½ giá trị, nhưng giữ lại để đảm bảo cho việc thi hành án.

Đối với 03 con dao tu đã thu giữ của các anh Đ, L, T là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi chặt hạ gỗ, nhưng do không biết số gỗ đó thuộc UBND xã H quản lý, nên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Tại phiên tòa các anh Đ, L, T đều xác định là dao cũ, không còn giá trị sử dụng, không yêu cầu lấy lại, do vậy cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động mà Ma Văn H đã sử dụng giao dịch đối với Đặng Văn T liên hệ việc khai thác gỗ thuê cho H và liên hệ với Ma Văn S để bán gỗ đã khai thác trái phép được xác định sau đó một thời gian do rơi xuống nước đã hỏng, không có giá trị sử dụng, không thu giữ được, nên không phải xem xét giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại theo quy định.

Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo Ma Văn Hoàng phạm tội “*Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 175; các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; các khoản 1, 2 Điều 60 của BLHS, xử phạt Ma Văn H, 01 (một) năm 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 03 (ba) năm, 04 (bốn) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/8/2017. Giao Ma Văn H cho UBND xã H, huyện L, tỉnh T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 42 BLHS; các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc Ma Văn H phải bồi thường thiệt hại cho Nhà nước do UBND xã Hồng Quang, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang làm đại diện số tiền 9.760.000 đồng. Ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền 4.760.000 đồng.

Áp dụng Điều 41 BLHS; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.220.000 đồng của Ma Văn H.
- Tịch thu tiêu hủy 03 con dao đã thu giữ.
- Tịch thu sung quỹ Nhà nước  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc máy cưa xăng vỏ màu đỏ, hiệu Husquavarna 365 đã qua sử dụng của Ma Văn H.

Áp dụng Điều 42 của BLHS; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho Đặng Văn Đ 01 máy cưa xăng vỏ màu đỏ, hiệu Husquavarna 365 đã qua sử dụng.

- Trả lại cho Ma Văn H và bà Triệu Thị N  $\frac{1}{2}$  giá trị chiếc máy cưa xăng màu đỏ, hiệu Husquavarna 365 đã qua sử dụng, nhưng giữ lại đảm bảo cho việc thi hành án.

- Giao 19,45 m<sup>3</sup> gỗ gồm 439 đoạn đã thu giữ và 7,953 m<sup>3</sup> gỗ tại hiện trường, bao gồm (gốc, thân, cành) là gỗ từ nhóm V đến nhóm VIII cho UBND xã H, huyện L, tỉnh Tuyên Quang để quản lý, xử lý, giải quyết theo thẩm quyền.

*Tình trạng vật chứng tịch thu sung quỹ Nhà nước, tịch thu tiêu hủy và trả lại theo như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 21/7/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình. Số gỗ tại hiện trường (gốc, thân, cành) theo biên bản khám nghiệm hiện trường, lý lịch gỗ tròn do Hạt kiểm lâm huyện L lập ngày 23/02/2017.*

Áp dụng Điều 98, 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Ma Văn H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Áp dụng các Điều 231, 233 và 234 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, nguyên dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/8/2017.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Công an huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện LB;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã Hồng Quang, Lâm Bình
- Người có QL &NV liên quan
- Lưu HSVÀ, án văn, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Phúc An Hoàn**